

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2023/DS-PT

Ngày: 20-6-2023

V/v: “Tranh chấp hợp đồng chuyển
nhượng quyền sử dụng đất có đặt cọc”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Châu Thạch

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Tâm

Ông Nguyễn Văn Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tâm – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng: Ông Trần Minh Công – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 142/2022/TLPT-DS ngày 17 tháng 8 năm 2022 về tranh chấp: “Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất có đặt cọc”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 33/2021/DS-ST ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 250/2022/QĐ-PT ngày 25 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 387/2023/QĐ-PT ngày 29 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đoàn Khánh H, sinh năm: 1981; cư trú tại: D10-09, cao ốc An Lộc, đường N, Phường 17, quận G, Thành phố H, có mặt.

Người đại diện hợp pháp: Chị Trần Thị Thanh Th, sinh năm: 1992; cư trú tại xã L, huyện B, tỉnh B; địa chỉ liên lạc: số 34, đường P, Phường 3, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 279, quyền số 01/2022TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng P chứng thực ngày 07/01/2022), có mặt.

Bị đơn: Vợ chồng ông Phạm Ng, sinh năm: 1954, bà Phạm Thị Thanh X, sinh năm: 1960; cư trú tại: tổ T, xã X, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp: Bà Phan Thị Lệ Th, sinh năm: 1961; địa chỉ: số 54A/18, đường N, Phường 3, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 3023, quyền số 08/2022TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng V chứng thực ngày 22/8/2022), có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Văn phòng công chứng P; địa chỉ: số 53, đường P, Phường 3, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện hợp pháp: Bà Phạm Thị Thùy Tr, là người đại diện theo pháp luật (Trưởng Văn phòng), có đơn xin vắng mặt.

Người kháng cáo: Vợ chồng ông Phạm Ng, bà Phạm Thị Thanh X – Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ghi ngày 07/01/2022 của Ông Đoàn Khánh H, lời trình bày tại các bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại giai đoạn sơ thẩm của Chị Trần Thị Thanh Th, người đại diện theo ủy quyền của ông H, thì: Ngày 18/12/2020 Ông Đoàn Khánh H và vợ chồng ông Phạm Ng, bà Phan Thị Thanh X có thỏa thuận về việc chuyển nhượng quyền sử dụng 5.924m² đất thuộc thửa số 51, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại thôn X, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, giá chuyển nhượng là 2.000.000đ/m², ông H đã đặt cọc cho vợ chồng ông Ng, bà X số tiền 1.000.000.000đ. Sau đó vợ chồng ông Ng, bà X đã hoàn tất thủ tục đăng ký biến động trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tách 01 thửa đất có diện tích 400m² (đất ở) và tiến hành thực hiện thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông H. Ngày 12/3/2021 vợ chồng ông Ng, bà X có thương lượng với ông H để đặt cọc thêm số tiền 1.500.000.000đ, tổng số tiền đặt cọc là 2.500.000.000đ.

Ngày 08/4/2021 vợ chồng ông Ng, bà X tiếp tục muốn ông H đặt cọc thêm tiền vì lý do họ có đặt cọc một căn nhà ở thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, nếu không thanh toán thì sẽ bị mất cọc. Sau nhiều lần vợ chồng ông Ng, bà X năn nỉ và mong muốn giúp đỡ vợ chồng ông Ng, bà X; ông H có nghe thông tin là gia đình bị đơn bị kiện nên có mời vợ chồng ông Ng, bà X đến nói chuyện tại quán cà phê “Nóc nhà đất làng” và bà X cũng trình bày việc gia đình bà đã xử lý xong, bà X cũng nói có đặt cọc mua nhà tại Đà Lạt nếu bà không thanh toán thì sẽ mất cọc. Vì nghe bà X nói là chuyển nhượng quyền sử dụng đất để mua nhà cho con và nếu ông H không đặt cọc thêm tiền thì bà X lại mất tiền cọc bên kia nên ông cũng thương hoàn cảnh của bà X nên đồng ý tiếp tục đặt cọc thêm số tiền 3.000.000.000đ, tổng cộng cả 03 lần là 5.500.000.000đ.

Hai bên có lập hợp đồng đặt cọc tại số 34, đường P, Phường 3, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vợ chồng ông Ng, bà X xác nhận đã nhận đủ số tiền đặt cọc 03 đợt là 5.500.000.000đ. Ngày 11/5/2021 vợ chồng ông Ng, bà X tiếp tục xin ứng thêm 100.000.000đ để thanh toán dịch vụ làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đến đầu tháng 12/2021 thủ tục làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vẫn chưa

hoàn thành. Bà X viết biên nhận số tiền 100.000.000đ tại quán cà phê “Nóc nhà đất làng”. Tính từ ngày 08/4/2021 theo hợp đồng đặt cọc là 03 tháng nếu vợ chồng ông Ng, bà X không tiếp tục chuyển nhượng thì ngoài trả lại số tiền đặt cọc còn phải chịu phạt cọc hai lần số tiền đặt cọc. Ngày 22/12/2021 bà X đã hoàn tất thủ tục biến động và nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới nhưng không làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông H. Nay bị đơn không đồng ý chuyển nhượng nữa thì ông H yêu cầu bị đơn phải trả lại số tiền đặt cọc là 5.500.000.000đ và 100.000.000đ ứng thêm ngày 11/5/2021 đồng thời bồi thường tiền phạt cọc là 11.000.000.000đ, tổng cộng là 16.600.000.000đ.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn thì ông H không đồng ý.

- Theo lời trình bày của vợ chồng ông Phạm Ng, bà Phan Thị Thanh X thì: Vợ chồng ông, bà có thỏa thuận chuyển nhượng 01 lô đất ở thôn đất làng cho Ông Đoàn Khánh H. Sau khi thỏa thuận hai bên đặt cọc và đang làm thủ tục đăng ký biến động quyền sử dụng đất thì gia đình ông, bà khởi kiện do đó việc làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bị trở ngại không đúng như thời gian hợp đồng; cụ thể: toàn bộ diện tích đất chuyển nhượng cho ông H có nguồn gốc do gia đình bà khai phá, còn căn nhà trên đất khoảng 114m² là của cha, mẹ để lại; phần đất trồng chè phía trước nhà là của anh trai ông Ng. Cha mẹ ông Ng chết không để lại di chúc, diện tích nhà, quyền sử dụng đất hiện nay do vợ chồng ông, bà quản lý, khai phá từ năm 1991 đến 1999 thì Ủy ban nhân dân thành phố Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Phạm Ng vớu diện tích 5.924m² thuộc thửa 51, tờ bản đồ số 11, xã X, thành phố Đ. Trong diện tích đất của vợ chồng ông, bà chuyển nhượng cho ông H là có đất của anh trai ông Ng đang quản lý trồng chè và có căn nhà làm nơi thờ cúng. Vợ chồng ông, bà có nói cứ chuyển nhượng đi rồi cho anh trai của ông Ng tên là Phạm Lộc số tiền 1.000.000.000đ nhưng ông Lộc không đồng ý. Khi nhận tiền đặt cọc của ông H thì vợ chồng ông, bà cũng không nói cho ông H biết về nguồn gốc nhà, quyền sử dụng đất đó mà chỉ nói đất của bị đơn và đưa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H xem. Hộ gia đình vợ chồng ông, bà từ năm 1991 đến nay gồm ông Ng, bà X và các con là Phạm Thị Thùy L, Phạm Thị Thùy Nh; Phạm Anh Kh; sau đó có thêm con rể là Đỗ Minh Thọ (chuyển đến ở chung nhà với vợ chồng ông, bà năm 2015); cháu ngoại tên Đỗ Đăng Kh. Do vợ chồng ông, bà vẫn làm thủ tục chuyển nhượng cho ông H nên ông Phạm Lộc đe dọa và có đánh ông Ng nếu tiếp tục chuyển nhượng diện tích đất này. Tuy nhiên, sự việc này vợ chồng ông, bà không báo chính quyền địa phương nên không có chứng cứ chứng minh.

Do vậy, vợ chồng ông, bà không thể tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng nên đồng ý bồi thường số tiền phạt cọc gấp đôi là 11.000.000.000đ và trả lại số tiền 100.000.000đ đã nhận. Vì lô đất chuyển nhượng là 5.148m² x 2.000.000.000đ = 10.396.000đ mà bên nhận chuyển nhượng yêu cầu bồi thường

16.600.000.000đ thì vợ chồng ông, bà không đồng ý vì ngoài khả năng của gia đình. Hơn nữa trong hợp đồng chỉ ghi bồi thường gấp đôi tiền cọc.

Ngoài ra, vợ chồng ông, bà có đơn phản tố yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy hợp đồng đặt cọc giữa vợ chồng ông, bà và Ông Đoàn Khánh H được Văn phòng công chứng P chứng nhận ngày “08/4/2021”; hủy hợp đồng đặt cọc giữa ông, bà và Ông Đoàn Khánh H ngày “12/3/2021”; hủy hợp đồng đặt cọc giữa vợ chồng ông, bà và Ông Đoàn Khánh H ngày “08/4/2021”, mặt sau của trang 03 có nội dung: “Hôm nay ngày 11/5/2021 tôi có nhận của ông H số tiền 100.000.000đ, người nhận” phía dưới có chữ ký và chữ viết họ tên Phan Thị Thanh Xuân; hủy hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa vợ chồng ông, bà và Ông Đoàn Khánh H ngày “18/12/2020”; đồng ý trả lại cho nguyên đơn số tiền 5.600.000.000đ cho ông H và thanh toán tiền lãi phát sinh trong quá trình giữ tiền cọc theo lãi suất ngân hàng nhà nước quy định.

- Văn phòng công chứng P có văn bản trình bày: Ngày 08/4/2021 vợ chồng ông Ng, bà X và ông H có liên hệ văn phòng thực hiện thủ tục chứng nhận hợp đồng đặt cọc đối với tài sản là quyền sử dụng đất thuộc thửa 51, tờ bản đồ số 11, xã X, thành phố Đ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T285045 do Ủy ban nhân dân thành phố Đ cấp ngày 09/01/2002 và Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số N421214 do Ủy ban nhân dân thành phố Đ cấp ngày 19/4/1999. Các bên cung cấp các giấy tờ gồm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T285045 và số N421214; chứng minh nhân dân, hộ khẩu của ông Ng và căn cước công dân của bà X; chứng minh nhân dân, hộ khẩu của ông H; tất cả các giấy tờ trên đều là bản chính.

Qua xem xét hồ sơ do các bên cung cấp, công chứng viên văn phòng công chứng nhận thấy hồ sơ đã phù hợp theo quy định của pháp luật và đầy đủ để thực hiện giao dịch nêu trên nên công chứng viên tiến hành soạn thảo hợp đồng dựa trên sự thỏa thuận của các bên. Sau khi các bên đọc dự thảo hợp đồng đã đồng ý và thống nhất tất cả nội dung trong dự thảo hợp đồng và công nhận nội dung dự thảo hợp đồng là đúng ý chí của các bên, công chứng viên tiến hành cho các bên ký và điểm chỉ vào hợp đồng. Hợp đồng đặt cọc tài sản nêu trên được chứng nhận tại Văn phòng công chứng P ngày 08/4/2021, số công chứng 2719, quyển số 84/2021TP/CC-SCC/HĐGD. Trình tự thủ tục để tiến hành ký kết và chứng nhận hợp đồng đặt cọc tài sản nêu trên là hoàn toàn phù hợp với các quy định pháp luật, đúng chủ sở hữu và đúng thỏa thuận các bên.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án số 33/2022/DS-ST ngày 07 tháng 7 năm 2022; Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng đã xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ông Đoàn Khánh H và chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Phạm Ng, bà Phan Thị Thanh X về việc “Tranh chấp hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất”.

1. Tuyên hủy các hợp đồng đặt cọc sau:

- Hủy bỏ hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa vợ chồng ông Phạm Ng, bà Phan Thị Thanh X và Ông Đoàn Khánh H ngày 18/12/2020.

- Hủy bỏ hợp đồng đặt cọc giữa vợ chồng ông Phạm Ng, bà Phan Thị Thanh X và Ông Đoàn Khánh H ngày 12/3/2021.

- Hủy bỏ hợp đồng đặt cọc ngày 08/4/2021 giữa vợ chồng ông Phạm Ng, bà Phan Thị Thanh X và Ông Đoàn Khánh H.

- Hủy bỏ hợp đồng đặt cọc giữa vợ chồng ông Phạm Ng, bà Phan Thị Thanh X và Ông Đoàn Khánh H được Văn phòng công chứng P chứng nhận số công chứng 2719, quyển số 84/2021TP/CC-SCC/HĐGD ngày 08/4/2021.

2. Buộc bị đơn vợ chồng ông Phạm Ng, bà Phan Thị Thanh X phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn Ông Đoàn Khánh H là 16.600.000.000đ (trong đó: số tiền đặt cọc là 5.500.000.000đ + số tiền phạt cọc là 11.000.000.000đ + số tiền tạm ứng thêm là 100.000.000đ).

Ngoài ra Bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự.

Ngày 21/7/2021 vợ chồng ông Phạm Ng, bà Phan Thị Thanh X kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm; không đồng ý bồi thường cho Ông Đoàn Khánh H số tiền đặt cọc là 16.500.000.000đ.

Tại phiên tòa,

Các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án cụ thể như sau: thống nhất hủy toàn bộ các “Hợp đồng đặt cọc” đã giao kết trước đó; vợ chồng ông Phạm Ng, bà Phan Thị Thanh X đồng ý thanh toán cho Ông Đoàn Khánh H số tiền 10.000.000.000đ; đồng thời chịu toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự tại giai đoạn phúc thẩm cũng như phiên tòa hôm nay: đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung: Đề nghị sửa Bản án sơ thẩm, ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xuất phát từ việc giữa ông H và vợ chồng ông Ng, bà X nhiều lần giao kết hợp đồng Dân sự có đặt cọc để thỏa thuận chuyển nhượng lô đất có diện tích 5.924m², thuộc thửa 51, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại xã X, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, quá trình thực hiện thỏa thuận; do vợ chồng ông Ng, bà X không đồng ý tiếp tục thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất nói trên nên các bên phát sinh tranh chấp. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất” là chưa phù hợp mà cần xác định lại quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất có đặt cọc” mới phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, cụ thể như sau: Bị đơn đồng ý thanh toán cho nguyên đơn số tiền 10.000.000.000đ và nguyên đơn đồng ý, đồng thời bị đơn chịu toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

Xét việc thỏa thuận của đương sự là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên cần ghi nhận sự tự nguyện của các bên. Tại phiên tòa hôm nay do vắng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên không thể sửa Bản án để công nhận sự thỏa thuận của đương sự mà chỉ sửa Bản án và ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự là phù hợp.

[3] Về chi phí tố tụng: Chi phí thẩm định tại chỗ, đo đạc và thẩm định giá tài sản tại giai đoạn phúc thẩm là 78.318.520đ, vợ chồng ông Ng, bà X đã nộp và quyết toán xong. Tại phiên tòa hôm nay các đương sự thỏa thuận bị đơn tự chịu chi phí tố tụng đã tạm nộp nên cần ghi nhận.

[4] Về án phí:

Lẽ ra vợ chồng ông Phạm Ng, bà Phan Thị Thanh X phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn và tiền án phí Dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với phần hủy các “Hợp đồng đặt cọc” mà bị đơn nhận chịu. Tuy nhiên ông Phạm Ng, sinh năm: 1954, bà Phan Thị Thanh Xuân, sinh năm: 1960, tính đến nay đã trên 60 tuổi, thuộc trường hợp người cao tuổi theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi nên thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, có đơn xin miễn án phí hợp lệ. Do đó cần miễn toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm cho vợ chồng ông Ng, bà X theo quy định.

Vợ chồng ông Phạm Ng, bà Phan Thị Thanh X không phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 300, các Điều 157, 165 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 117, 123, 131, 328, 500, 501, 502, 503 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ các khoản 2, 5 Điều 26, điểm a khoản 3 Điều 27, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của vợ chồng ông Phạm Ng, bà Phan Thị Thanh X, sửa Bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất có đặt cọc”.

2. Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

2.1. Hủy hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa vợ chồng ông Phạm Ng, bà Phan Thị Thanh X và Ông Đoàn Khánh H ngày 18/12/2020; hủy hợp đồng đặt cọc giữa vợ chồng ông Phạm Ng, bà Phan Thị Thanh X và Ông Đoàn Khánh H ngày 12/3/2021; hủy hợp đồng đặt cọc ngày 08/4/2021 giữa vợ chồng ông Phạm Ng, bà Phan Thị Thanh X và Ông Đoàn Khánh H; hủy hợp đồng đặt cọc giữa vợ chồng ông Phạm Ng, bà Phan Thị Thanh X và Ông Đoàn Khánh H được Văn phòng công chứng P chứng nhận số 2719, quyền số 84/2021TP/CC-SCC/HĐGD ngày 08/4/2021.

2.2. Vợ chồng ông Phạm Ng, bà Phan Thị Thanh X có trách nhiệm trả cho Ông Đoàn Khánh H số tiền 10.000.000.000đ (mười tỷ đồng).

3. Về chi phí tố tụng: Vợ chồng ông Phạm Ng, bà Phan Thị Thanh X thỏa thuận chịu 78.318.520đ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo vẽ và thẩm định giá tài sản (đã tạm nộp và được Tòa án quyết toán xong).

4. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm:

Ông Đoàn Khánh H không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm. Ông H được nhận lại số tiền 62.600.000đ tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp theo các Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001469 và số 0001470 cùng ngày 19/01/2022 đều của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Miễn toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm cho vợ chồng ông Phạm Ng, bà Phan Thị Thanh X.

- Án phí phúc thẩm:

Vợ chồng ông Phạm Ng, bà Phan Thị Thanh X không phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm.

5. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng (01);
- Phòng KT-NV & THA (01);
- TAND thành phố Đ (01);
- Chi cục THADS thành phố Đ (01);
- Dương sự (03);
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án (03).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Châu Thạch